

Bản án số: 1183/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 14 - 9- 2022.
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thuần.

Ông Võ Văn Tốt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 594/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 740/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà D Nhung;

Địa chỉ:, khu phố 4, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông C Quang;

Địa chỉ:, khu phố 4, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh -Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 08 tháng 4 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, bà D Nhung là nguyên đơn trình bày: Bà và ông C Quang tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 150/94, quyển số 01 ngày 10 tháng 5 năm 1994 của Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về tính cách không phù hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã lẫn nhau về vấn đề kinh tế. Hiện nay hai vợ chồng bà sống ly thân và không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù hai vợ chồng đã nói chuyện và cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay, bà nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C Quang.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Võ Minh Sơn, sinh ngày 04/02/1988 (đã trưởng thành) và Võ Thị Kim Loan, sinh ngày 20/3/1992 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý về việc thụ lý vụ án và triệu tập bị đơn nhưng ông Quang không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Kết quả xác minh về quan hệ hôn nhân giữa bà Nhung và ông Quang tại Hội phụ nữ phường Hiệp Thành thể hiện: Hội phụ nữ không biết được mâu thuẫn của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện bà D Nhung và ông C Quang tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1994 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 150/94, quyển số 01 ngày 10 tháng 5 năm 1994 của Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay, bà Nhung có yêu cầu ly hôn với ông Quang, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay C Quang đang thường trú tại địa chỉ: 677/124/28, Tổ 41, khu phố 4, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà D Nhung có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông C Quang là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà D Nhung yêu cầu được ly hôn với ông C Quang vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có sự yêu thương, cuộc sống chung không hòa hợp, không còn hạnh phúc. Hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C Quang.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”, nhưng theo nguyên đơn trình bày thì vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn từ vấn đề kinh tế, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, cũng không cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình để vun đắp cho cuộc sống. Vợ chồng hiện nay cũng không còn chung sống với nhau.

Toà án đã triệu tập ông C Quang đến Toà án tham gia hoà giải cũng như tham gia phiên toà nhưng ông không đến, điều đó cho thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D Nhung là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của bà D Nhung.

Về con chung: Bà Nhung khai có 02 (hai) con chung tên Võ Minh Sơn, sinh ngày 04/02/1988 (đã trưởng thành) và Võ Thị Kim Loan, sinh ngày 20/3/1992 (đã trưởng thành) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Nguyên đơn khai không có nên không yêu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà D Nhung.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà D Nhung được ly hôn với ông C Quang.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 150/94, quyển số 01 ngày 10 tháng 5 năm 1994 của Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực thi hành).

1.2. Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Võ Minh Sơn, sinh ngày 04/02/1988 (đã trưởng thành) và Võ Thị Kim Loan, sinh ngày 20/3/1992 (đã trưởng thành).

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà D Nhung chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0023198 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hồng Vân